

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2009**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẮNG BÌNH**  
*(Ban hành theo Quyết định số 51/2008/QĐ-UBND*  
*ngày 19/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**I- Bảng giá chuẩn đất nông nghiệp:**

**1- Đất trồng cây hằng năm:**

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	30.000	26.000	23.000
2	26.000	23.000	20.000
3	22.000	20.000	17.000
4		17.000	14.000
5		14.000	11.000

**2- Đất trồng cây lâu năm:**

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	33.000	29.000	25.000
2	29.000	25.000	22.000
3	24.000	22.000	19.000
4		19.000	16.000
5		15.000	12.000

**3- Đất rừng sản xuất:**

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	24.000	21.000	19.000
2	21.000	19.000	16.000
3	18.000	16.000	14.000
4		14.000	11.000
5		11.000	9.000

**4- Đất nuôi trồng thủy sản:**

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	30.000	26.000	23.000
2	26.000	23.000	20.000
3	22.000	20.000	17.000
4		17.000	14.000
5		14.000	11.000

## II- Bảng giá đất ở:

### 1- Bảng giá đất ở nông thôn:

#### 1.1- Bảng giá chuẩn:

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

Vị Trí	Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
	Đồng bằng	Trung	Miền núi	Đồng bằng	Trung du	Miền núi	Đồng bằng	Trung du	Miền núi
<b>VT1</b>	1.000.000	250.000	200.000	250.000	50.000	40.000	55.000	22.000	26.000
<b>VT2</b>	700.000	150.000	100.000	150.000	34.000	34.000	36.000	20.000	24.000
<b>VT3</b>	400.000	100.000	50.000	100.000	32.000	30.000	32.000	18.000	20.000
<b>VT4</b>	300.000	50.000	32.000	50.000	30.000	28.000	28.000	17.000	18.000
<b>VT5</b>	200.000	34.000	30.000	40.000	28.000	26.000	-	16.000	14.000
<b>VT6</b>	100.000	32.000	28.000	-	26.000	24.000	-	15.000	12.000
<b>VT7</b>	50.000	30.000	26.000	-	24.000	22.000	-	-	10.000

#### 1.2- Bảng giá đất ở khu dân cư nông thôn chi tiết:

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

T T	Ranh giới, vị trí	Khu vực	Vị trí	Hệ số	Mức giá 2009
<b>1</b>	<b>XÃ BÌNH NGUYÊN (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 1A</b>				
	Ranh giới Quế Sơn đến nhà bà Xây	1	1	0,7	<b>700.000</b>
	Từ nhà bà Xây đến Đường lên lò gạch ông Trà	1	2	0,8	<b>560.000</b>
	Đường lên lò gạch ông Trà – Giáp khu KTQĐ khu XNLN (cũ)	1	1	1,0	<b>1.000.000</b>
	Phía bắc khu KTQĐ khu XNLN (cũ) - hết kênh N <sub>22</sub> .	1	1	1,2	<b>1.200.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến huyện lộ (ĐH)</b>				
	<b>Tuyến Bình Nguyên - Bình Dương (ĐH11)</b>				
	Quốc lộ 1A - Kênh bê tông	1	2	0,7	<b>490.000</b>
	Kênh bê tông-phía Tây trường mẫu giáo Bình Nguyên	1	4	0,7	<b>210.000</b>
	Từ trường Mẫu giáo B/Nguyên-Ranh giới B/Phục	1	5	0,7	<b>140.000</b>

<b>Tuyến ĐT 613 – Bình Nguyên (ĐH16)</b>					
	Công qua kênh N <sub>22</sub> (gần nhà ông Sơn) - giáp kênh N <sub>22-1</sub>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Đường TNN B/Nguyên: Từ QL1A - nhà bà Điểm	1	6	1,2	<b>120.000</b>
	Từ công làng văn hoá Liễu Trì – Kênh N22	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	QL 1A (nhà ông Hội thuốc bắc )- giáp đường công làng văn hoá Liễu Trì – Kênh N22	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	Từ QL 1A (Tổ 7) – giáp đường Nguyễn Dương	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Đường vào TT Sát hạch lái xe (hết khu khai thác quỹ đất)	1	4	1,2	<b>360.000</b>
	Đường quy hoạch khu dân cư tổ 2 thôn Liễu Trì	1	4	0,9	<b>270.000</b>
	Từ QL 1A (gần nhà ông Đông) khu KTQĐ - giáp kênh bê tông	1	4	0,9	<b>270.000</b>
	Đường quy hoạch trong khu dân cư XNLN(cũ)	1	4	1,0	<b>300.000</b>
	Từ nhà ông Lưu Trí (khu XNLN cũ) - giáp kênh bê tông	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Từ QL 1A (gần nhà ông Vân) - giáp kênh bê tông	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Đường quy hoạch khu dân cư tổ 3 thôn Liễu Trì	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	Đường từ QL 1A - hết lò gạch ông Trà	1	4	1,0	<b>300.000</b>
	Từ QL 1A (gần nhà bà Học) - đến giáp kênh (gần nhà bà Hoa)	1	5	0,8	<b>160.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>

	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>2</b>	<b>XÃ BÌNH PHỤC (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 1A</b>				
	Từ kênh N <sub>20-2</sub> - đường lên kênh N <sub>18</sub> (ngoài ngã ba Ngọc Phô)	1	2	0,7	<b>490.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến ĐT613</b>				
	Giáp Bình Triều – giáp TT Hà Lam	1	4	1,2	<b>360.000</b>
	Phía Nam đường ĐT613 đoạn từ tường rào phía Đông XN Cát- Cổng kênh qua đường (gần TBA B/Phục)	1	4	0,8	<b>240.000</b>
<b>C</b>	<b>Đường vào cụm CN Hà Lam - Chợ Được</b>				
	Dọc 02 bên trục đường chính vào Cụm Công nghiệp Hà Lam-Chợ Được (từ đường ĐT613 đến hết trục đường chính)	1	4	1,2	<b>360.000</b>
<b>D</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyến Bình Nguyên – Bình Dương (ĐH11)</b>				
	Giáp ranh giới B/Nguyên - PaRa Bình Phục	1	5	0,7	<b>140.000</b>
	Các đoạn còn lại của tuyến Nguyên – Dương	1	6	0,8	<b>80.000</b>
<b>E</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Từ đường ĐT613 (gần UBND xã Bình Phục)- giáp đường B/Nguyên đi B/Giang	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	Từ đường ĐT613 (gần chợ Bình Phục) - Hết trường Nguyễn Trãi.	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	Hết trường Nguyễn Trãi - Quốc lộ 1A	1	<b>7</b>	1,2	<b>60.000</b>
	Tuyến từ đường 613 (gần k/sản) - hết xí nghiệp	1	6	0,7	<b>70.000</b>

	Silyca				
	Hết xí nghiệp Silyca - giáp đường Bình Nguyên đi Bình Dương	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>G</b>	Khu vực quanh chợ chưa có hạ tầng	1	6	1,0	<b>100.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>K</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>3</b>	<b>XÃ BÌNH TÚ (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 1A</b>				
	Kênh N18 ngoài ngõ ba Ngọc Phô - Tường rào phía Nam cây xăng Bình Tú I	1	2	0,8	<b>560.000</b>
	Từ tường rào phía Nam cây xăng Bình Tú I - giáp sân vận động Bình Tú (đường lên cơ quan UBND)	1	2	0,7	<b>490.000</b>
	Sân vận động Bình Tú (đường lên cơ quan UBND) – giáp cầu Kế Xuyên.	1	2	0,8	<b>560.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				

	<b>Tuyến Ngọc Phô - Bình Tịnh (ĐH9)</b>				
	<b>Quốc lộ 1A - cổng làng văn hóa Trường An.</b>	1	3	1,0	<b>400.000</b>
	<b>Từ cổng làng văn hóa Trường An - giáp nhà ông Kiều Việt Tiến tổ 4/1.</b>	1	5	1,2	<b>240.000</b>
	<b>Từ nhà ông Kiều Việt Tiến - nhà ông Thiện tổ 4/1 (giáp đường bê tông).</b>	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	<b>Từ nhà ông Thiện - cầu dài (Trường An).</b>	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	<b>Từ cầu Trường An-giáp ranh giới Bình Triều.</b>	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	Tuyến Ngọc Phô – Bình Chánh (ĐH10)				
	<b>Quốc lộ 1A gần ngã ba Ngọc Phô - nhà ông Nguyễn Tấn Lễ 10/3.</b>	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	<b>Từ nhà ông Nguyễn Tấn Lễ - kênh N18/12.</b>	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	<b>Từ kênh N18/12 - cầu khe Ngọc.</b>	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	Tuyến Bình Nam – Bình Tú (ĐH17)				
	<b>Giáp ranh giới Bình Trung – giáp đường Ngọc Phô – Bình Tịnh</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	Các tuyến còn lại				
	<b>Quốc lộ 1A nhà ông Tạo- ranh giới xã Bình Sa.</b>	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	<b>Quốc lộ 1A (gần sân vận động) – giáp đường Ngọc Phô – Bình Chánh</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	<b>Quốc lộ 1A (gần nhà thờ Công giáo – giáp đường bê tông ra trường Phù Đổng</b>	1	6	0,7	<b>70.000</b>
<b>D</b>	Xung quanh chợ Ngọc Phô	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>1,2</b>	<b>240.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>

	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>4</b>	<b>XÃ BÌNH TRUNG (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Quốc lộ 1A</b>				
	Từ cầu Kế Xuyên – tường rào phía Nam cây xăng Tuyết Mai	1	1	1,0	<b>1.000.000</b>
	Tường rào phía nam cây xăng Tuyết Mai – cầu cây nhận	1	2	0,8	<b>560.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện Lộ</b>				
	<b>Tuyến Kế Xuyên – Tây Giang (ĐH5)</b>				
	Tõø QL 1A – giáp đường vào chợ gần nhà ông Tân (may)	1	3	1,1	<b>440.000</b>
	Giáp đường vào chợ gần nhà ông Tân may – cổng dưới nhà ông Lương tổ 7 thôn Trà Long	1	5	1,2	<b>240.000</b>
	Cổng dưới nhà ông Lương tổ 1 thôn Trà Long – hết cầu lái tràn thôn Trà Sơn	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	Hết cầu lái tràn thôn Trà Sơn – giáp tường rào phía tây trường cấp I Trà Sơn	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	Giáp tường rào phía tây trường cấp I Trà Sơn – ranh giới Bình Sa	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	<b>Tuyến Kế Xuyên – Hà Châu (ĐH6)</b>				
	Từ QL1A – cổng trên nhà ông Toàn tổ 5 thôn Kế Xuyên 2	1	4	1,0	<b>300.000</b>
	Cổng trên nhà ông Toàn tổ 5 thôn Kế Xuyên 2 – đập Kế Xuyên	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	<b>Tuyến QL 1A-Nông trường Bình Trung (ĐH13)</b>				
	QL1A gần cây xăng Tuyết Mai – đường sắt (Ga Phú Xuân cũ )	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	<b>Tuyến Bình Nam – Bình Tú (ĐH17)</b>				

	Giáp ranh giới Bình Nam - cầu gần nhà ông Aũnh tổ 1 thôn Tứ Sơn	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	Từ cầu gần nhà ông Aũnh tổ 1 thôn Tứ Sơn - hết nhà ông Tường tổ 2 thôn Tứ Sơn	1	6	1,2	<b>120.000</b>
	Giáp nhà ông Tường tổ 2 thôn Tứ Sơn – giáp ranh giới Bình Tú	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	QL1A gần nhà ông Thành tổ 3 thôn Kế Xuyên 2 – giáp ranh giới Bình Tú	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	QL1A gần nhà ông Tiên (chả) tổ 3 thôn Kế Xuyên 2 – giáp đường quanh chợ Kế xuyên	1	3	0,9	<b>360.000</b>
	QL1A gần nhà ông Kinh tổ 3 thôn Kế Xuyên 2 - giáp đường quanh chợ Kế xuyên	1	3	1,0	<b>400.000</b>
	Giáp tuyến Sa Lãnh - giáp đường quanh chợ Kế xuyên	1	3	0,9	<b>360.000</b>
	Nhà ông Ngô Thành Hảo tổ 3 thôn Kế Xuyên 2 - giáp đường quanh chợ Kế xuyên	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	QL1A gần nhà ông Quới tổ 3 thôn Kế Xuyên 2 – giáp đường trước nhà ông Sơn	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	QL1A gần nhà ông Duy tổ 5 thôn Kế Xuyên 2 – giáp tuyến Sa - Lãnh	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	QL1A gần nhà ông Sơn y tế tổ 1 thôn Kế Xuyên 2 – tường rào phía Đông trạm Y tế	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	QL1A gần nhà ông Đạm tổ 8 thôn Trà Long – hết nhà thầy Lân	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	QL1A gần nhà ông Thành tổ 9 thôn Trà Long – Giáp kênh N14 – 2A	1	5	0,8	<b>160.000</b>
<b>D</b>	<b>Đường quanh chợ kế xuyên</b>	1	2	0,8	<b>560.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				



	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>

<b>5</b>	<b>XÃ BÌNH AN (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 1A</b>				
	Từ cầu Cây Nhạn – phía Bắc cây xăng Bình An	1	2	0,8	<b>560.000</b>
	Từ Phía Bắc cây Xăng Bình An - Hết Bưu Điện Bình An	1	1	1,0	<b>1.000.000</b>
	Hết Bưu Điện Bình An – Hết quán cơm Bình An	1	1	0,8	<b>800.000</b>
	Hết quán cơm Bình An - giáp ranh giới huyện Phú Ninh	1	1	0,7	<b>700.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện Lộ</b>				
	<b>Tuyến Quán Gò – Bình Nam (ĐH3)</b>				
	Từ Quốc Lộ 1A - Tường rào phía Đông trường Mẫu giáo Bình An	1	4	0,8	<b>240.000</b>
	Từ tường rào phía Đông trường Mẫu giáo Bình An – phía Đông nhà bà Tuyền	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	Từ phía Đông nhà bà Tuyền – giáp ranh giới Bình Nam	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	<b>Tuyến Bình An – Bình Phú (ĐH4)</b>				
	Từ Quốc lộ 1A - Tường rào phía Đông Nhà thờ Công Giáo	1	3	1,2	<b>480.000</b>
	Từ Tường rào phía Đông Nhà thờ Công Giáo - Hết HTX Mây Trúc (cũ)	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	HTX Mây trúc (cũ) - Giáp Bình Quế	1	6	0,7	<b>70.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Quốc Lộ 1A Xuống Chợ Quán Gò – giáp đường đi Bình Nam	1	3	1,2	<b>480.000</b>
	QL 1A (gần nhà ông Nghiệp) – giáp đường quanh chợ	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	QL 1A vào Trung đoàn 143	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	Quốc Lộ 1A - Nhà ông Trần Đăng Nghĩa	2	4	1,2	<b>60.000</b>
<b>D</b>	Khu vực quanh chợ Quán Gò	1	3	1,2	<b>480.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>

	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>6</b>	<b>XÃ BÌNH QUÝ (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến ĐT 613 nối dài</b>				
	<b>Từ cống Tư thiết - Quốc lộ 14E</b>	1	2	0,7	<b>490.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 14E</b>				
	Từ hết nhà BSỹ Xô – Cống qua đường (phía Đông Khu khai thác quỹ đất mới B/Quý)	1	3	0,7	<b>280.000</b>
	Cống qua đường (phía Đông Khu khai thác quỹ đất mới B/Quý) - giáp đường sắt	1	3	1,0	<b>400.000</b>
	Giáp đường sắt - Cầu ông Triệu	1	5	1,0	<b>200.000</b>
<b>C</b>	<b>Tuyến Huyện Lộ</b>				
	<b>Tuyến Bình Quý – Tiên Sơn (ĐH8)</b>				
	Ngã ba Bình Quý - Giáp đường sắt	1	4	1,0	<b>300.000</b>
	Từ đường sắt - Đông kênh chính Phú Ninh	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	Đông kênh chính Phú Ninh – giáp Bình Định Nam	1	6	0,7	<b>70.000</b>
<b>D</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Từ Giáp TT Hà Lam (đường Dốc sỏi) – Kênh chính Phú Ninh	1	6	0,8	<b>80.000</b>

	Kênh chính Phú Ninh - Đò Hường	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Giáp TT Hà Lam – Kênh N18	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Kênh N18 – Bình Chánh	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Gần nhà ông Chiến – Giáp đường Hà Lam Bình Chánh	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Kênh chính Phú Ninh – Giáp Bình Định	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>E</b>	Khu vực quanh chợ Bình Quý	1	4	1,0	<b>300.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>7</b>	<b>XÃ BÌNH MINH (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến ĐT613</b>				
	Đồn Biên Phòng – Giáp đường thanh Niên	1	4	0,8	<b>240.000</b>
	Giáp đường thanh Niên - phía Tây UBND xã Bình Minh	1	4	1,0	<b>300.000</b>
	Ngã ba ra đồn Biên Phòng - giáp đường Thanh Niên	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	Phía tây UBND xã Bình Minh - Hết Cty Đông An	1	4	0,8	<b>240.000</b>
	Phía tây Cty Đông An – Ranh giới Bình Đào	1	5	0,8	<b>160.000</b>

<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyến Thanh niên ven biển</b>				
	Giáp đường 613- Cống qua đường (gần nhà ông Hùng lái xe)	1	4	0,8	<b>240.000</b>
	Cống qua đường (gần nhà ông Hùng lái xe) - trường Nguyễn Văn Cừ (P/hiệu Bình Tân)	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	Giáp ĐT613 – giáp ranh giới Bình Dương	1	5	0,9	<b>180.000</b>
	Các đoạn còn lại của đường thanh Niên	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	<b>Tuyến Ngọc Phô – Bình Tịnh (ĐH9)</b>				
	Giáp ranh giới Bình Đào – giáp đường Thanh niên	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Giáp đường 613 (gần nhà ông Lòng) – Bãi cá Tân An	2	3	1,0	<b>100.000</b>
<b>D</b>	Khu vực quanh chợ	2	3	1,2	<b>120.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>8</b>	<b>XÃ BÌNH DƯƠNG (ĐB)</b>				

<b>A</b>	<b>Tuyến ĐT613</b>				
	Từ đường Đông Trường Giang (Bình Dương)- hết phân hiệu trường Lê Văn Tám	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Hết phân hiệu trường Lê Văn Tám -Giáp đường Thanh niên	1	6	1,2	<b>120.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyến Thanh niên ven biển</b>				
	Các đoạn còn lại của đường Thanh Niên	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	<b>Tuyến Bình Nguyên-Bình Dương (ĐH11)</b>				
	Giáp ranh giới Bình Giang – đường Đông Trường Giang	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	<b>Tuyến Đông Trường Giang (ĐH2)</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Đường ra bến cá (Từ nhà ông Yên-Biển)	2	3	0,7	<b>70.000</b>
<b>D</b>	Khu vực quanh chợ Lạc câu	2	3	1,2	<b>120.000</b>
<b>E</b>	Khu vực quanh chợ chưa có hạ tầng	2	4	1,2	<b>60.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>

<b>9</b>	<b>XÃ BÌNH ĐÀO (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến ĐT613</b>				
	Giáp Bình Minh – Phía Đông nhà thờ tộc Cao	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Phía Đông nhà thờ tộc Cao - Kênh N <sub>22</sub>	1	5	1,2	<b>240.000</b>
	Kênh N <sub>22</sub> - cầu Máng Bình Đào	1	4	1,0	<b>300.000</b>
	Cầu Máng Bình Đào – Giáp xã Bình Triều	1	5	1,0	<b>200.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyến Đông Trường Giang (ĐH2)</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	<b>Tuyến Ngọc Phô – Bình Tịnh (ĐH9)</b>				
	Rang giới Bình Triều (cầu Bà Gân) - đến ranh giới Bình Minh	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Giáp đường 613 – hết trường Nguyễn Hiền	2	3	0,8	<b>80.000</b>
<b>D</b>	Khu vực quanh chợ Trà Đóa	2	2	1,0	<b>150.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>10</b>	<b>XÃ BÌNH TRIỀU (ĐB)</b>				

<b>A</b>	<b>Tuyển ĐT613</b>				
	Giáp xã Bình Đào - Chùa Phước Âm	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	Chùa Phước âm – Cầu trên Xí nghiệp Gốm	1	3	1,2	<b>480.000</b>
	Cầu trên XN Gốm - ranh giới Bình Phục	1	4	1,2	<b>360.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyển Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyển Tây Trường Giang (ĐH1)</b>				
	Từ cầu ngoài chợ Đước - trường cấp 1 Đoàn Bường - Giáp ĐT613	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	Từ cầu chợ Đước – hết nhà ông Vương Dân	1	6	1,2	<b>120.000</b>
	Hết nhà ông Vương Dân - cầu gần nhà hai Sách	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	Phía Nam chùa Phước Âm - Cầu gần nhà ông Phương	1	6	1,2	<b>120.000</b>
	Từ Cầu gần nhà ông Phương – Cổng làng văn hoá Thôn 2	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	Cổng làng văn hoá Thôn 2 – quán Café Lê Lợi	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	Quán Café Lê Lợi - ngã ba xuống cầu Bà Gàn (gần nhà ông Nhâm)	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	Từ ngã ba xuống cầu Bà Gàn (gần nhà ông Nhâm) - cổng ranh giới Bình Sa - Bình Triều	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	<b>Tuyển Ngọc Phô – Bình Tịnh (ĐH9)</b>				
	Tường rào phía Tây cơ quan Thôn 1 - Giếng đôi (trước trường Lê Hồng Phong)	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Giếng đôi (trước trường Lê Hồng Phong)– Giáp chợ Hưng Mỹ	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	Giáp chợ Hưng Mỹ - ranh giới Bình Đào	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Tường rào phía Tây cơ quan Thôn 1 - giáp Bình Tú	1	6	0,8	<b>80.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyển còn lại</b>				
	Đường Đê từ TQL đường sông đến giáp Bình Giang	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Khu vực quanh chợ Đước cũ	1	5	1,0	<b>200.000</b>
	Kiệt từ đường ĐT 613 (gần nhà ông Hiền) – Giáp chợ Đước mới	2	3	0,8	<b>80.000</b>



<b>D</b>	Khu vực quanh chợ Được mới	1	5	1,0	<b>200.000</b>
<b>E</b>	Khu vực quanh chợ Hưng Mỹ	2	3	0,8	<b>80.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>11</b>	<b>XÃ BÌNH GIANG (ĐB)</b>				
<b>A</b>	Tuyến Huyện lộ				
	Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)				
	<b>Từ Chợ Bà (mới) - Hết chợ Bà (cũ) - giáp đường lên khu kinh tế mới Bình Giang</b>	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Giáp ngã ba lên khu kinh tế mới Bình Giang – ngã ba gần nhà ông Phước	1	6	1,2	<b>120.000</b>
	Ngã ba gần nhà ông Phước – Ranh giới Bình Triều	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	Từ nhà bà Doan đến giáp Duy Thành	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	<b>Tuyến Quế Phú - Chợ Bà (ĐH12)</b>				
	Ranh giới Quế Phú - Giáp Tây Trường Giang	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	<b>Tuyến Bình Nguyên – Bình Dương (ĐH11)</b>				
	Các đoạn còn lại của tuyến Nguyên – Dương	1	6	0,7	<b>70.000</b>

<b>B</b>	Khu vực quanh chợ Bà	2	3	1,2	<b>120.000</b>
<b>C</b>	Khu vực quanh chợ chưa có hạ tầng	2	4	1,2	<b>60.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,1	<b>55.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các khu vực còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	7	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,9	<b>45.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>12</b>	<b>XÃ BÌNH SA ( ĐB)</b>				
<b>A</b>	Tuyến Huyện lộ				
	<b>Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)</b>				
	Cổng ranh giới B/Sa, B/Triều – Nhà thờ tộc Lê (gần nhà ông Dây)	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	Từ nhà thờ tộc Lê (gần nhà ông Dây) - Cầu ngoài ngã tư Tây Giang	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	Cầu ngoài ngã tư Tây Trường Giang - tường rào phía Nam trường cấp 1 Tây Giang	1	6	1,2	<b>120.000</b>
	Các đoạn còn lại của đường Tây Trường Giang	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	<b>Tuyến Kế Xuyên – Tây Giang (ĐH5)</b>				
	Từ chợ Tây Giang - nhà ông May	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Từ nhà ông May - kênh N <sub>1</sub>	1	6	0,9	<b>90.000</b>
	Từ kênh N <sub>1</sub> - giáp Bình Trung	1	7	1,2	<b>60.000</b>

<b>Tuyến Bình Sa – Bình Hải (ĐH14)</b>					
	Từ Cầu Bà Huê - Giáp ranh Bình Hải	1	7	1,2	<b>60.000</b>
<b>B</b>	Khu vực quanh chợ chưa có hạ tầng	2	4	1,2	<b>60.000</b>
<b>C</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,2	<b>48.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	5	1,1	<b>44.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,1	<b>44.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	3	1,0	<b>32.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	3	3	1,0	<b>32.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	4	1,0	<b>28.000</b>

<b>13</b>	<b>XÃ BÌNH NAM (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	Tuyến Thanh Niên ven biển	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	<b>Tuyến Quán Gò - Bình Nam (ĐH3)</b>				
	<b>Từ cổng tổ 2 Nghĩa Hoà - phía Nam cầu Mương Làng</b>	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	Phía Đông nhà ông Sang - Tường rào phía đông NTLB Bình Nam	1	6	1,0	<b>100.000</b>
	Phía Tây trường Hoàng Văn Thụ - Hết nhà ông Đà Tổ 4 thôn Thái Đông (phía Tây ngã tư trong chợ Bàu Chét )	1	6	0,8	<b>80.000</b>
	<b>Các đoạn còn lại của tuyến Quán Gò - Bình Nam</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	<b>Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	<b>Tuyến Bình Nam – Bình Tú (ĐH17)</b>				
	Từ thôn Tịch Yên – giáp ranh giới Bình Trung	1	7	1,0	<b>50.000</b>
<b>B</b>	<b>Khu vực quanh chợ Bình Nam</b>	1	6	1,2	<b>120.000</b>
<b>C</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,2	<b>48.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	5	1,1	<b>44.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,1	<b>44.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	3	1,0	<b>32.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	3	3	1,0	<b>32.000</b>

	Các khu vực còn lại	3	4	1,0	<b>28.000</b>
--	---------------------	---	---	-----	---------------

<b>14</b>	<b>XÃ BÌNH HẢI (ĐB)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	Tuyến Thanh niên ven biển	1	5	0,8	<b>160.000</b>
	Tuyến Đông Trường Giang (ĐH2)				
	<b>Ranh giới Bình Đào – giáp nhà ông Đại</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	<b>Từ nhà ông Đại - nhà ông Nương</b>	1	6	0,7	<b>70.000</b>
	<b>Các đoạn còn lại của tuyến Đông Trường Giang</b>	1	7	1,2	<b>60.000</b>
	Tuyến Bình Sa – Bình Hải (ĐH14)				
	<b>Đoạn từ ranh giới Bình sa - Giáp nhà Ông Đại</b>	1	6	0,7	<b>70.000</b>
<b>B</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Giáp Đông Trường Giang (đối diện nhà ông Được) - biển	2	4	1,0	<b>50.000</b>
<b>C</b>	<b>Khu vực quanh chợ Bình Hải</b>	2	4	1,0	<b>50.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,2	<b>48.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	5	1,1	<b>44.000</b>
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,1	<b>44.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	3	1,0	<b>32.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	5	1,0	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn còn lại	3	2	1,0	<b>36.000</b>
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	3	3	1,0	<b>32.000</b>
	Các khu vực còn lại	3	4	1,0	<b>28.000</b>
<b>15</b>	<b>XÃ BÌNH ĐỊNH BẮC (TRUNG DU)</b>				

<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc Lộ 14E</b>				
	Cầu ông Triệu - Kênh N <sub>1</sub> Cơ Bình	1	1	0,8	<b>200.000</b>
	Kênh N <sub>1</sub> Cơ Bình - tường rào phía Đông trường Cấp 3 Bình Trị	1	2	1,0	<b>150.000</b>
	Từ đường TNN vào Vinh Huy - Tường rào phía Đông UBND xã Bình Lãnh	1	3	1,2	<b>120.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện Lộ</b>				
	<b>Tuyến Bình Trị - Tiên Sơn (ĐH15)</b>				
	Từ giáp Quốc lộ 14E - hết đường thâm nhập nhựa	1	2	1,0	<b>150.000</b>
<b>C</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Tuyến từ QL14E (trên cầu ông Triệu) – Giáp Bình Định Nam	1	3	0,7	<b>70.000</b>
	Quốc lộ 14E (gần cầu ông Triệu) – Xuân An	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	Hết đường thâm nhập nhựa - nhà ông Thanh (Tổ 1 thôn Xuân Thái Tây)	1	3	0,7	<b>70.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn	2	1	0,9	<b>45.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	2	1,0	<b>34.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,2	<b>36.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>32.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	5	1,0	<b>28.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	6	1,0	<b>26.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				

	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,7	<b>35.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,2	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>20.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	6	1,0	<b>26.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	1	1,0	<b>22.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>18.000</b>
<b>16</b>	<b>XÃ BÌNH ĐỊNH NAM (TRUNG DU)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyến Bình Quý – Tiên Sơn (ĐH8)</b>				
	Bình Quý – Cầu Thanh Đăng	1	3	0,7	<b>70.000</b>
	Cầu Thanh Đăng – Hà Châu (gần nhà ông Ngọc)	1	3	0,9	<b>90.000</b>
	<b>Tuyến Hà Châu – Bình Lãnh (ĐH7)</b>				
	Từ cầu Hà Châu – giáp ranh giới Bình Trị	1	4	1,0	<b>50.000</b>
<b>B</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Tuyến giáp Bình Định Bắc (trên cầu ông Triệu) – giáp đường Hà Châu – Bình Lãnh	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Giáp đường Bình Quý .Tiên Sơn – vào UBND xã Bình Định Nam	2	1	0,8	<b>40.000</b>
<b>C</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn	2	1	0,9	<b>45.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	2	1,0	<b>34.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,2	<b>36.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>32.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	5	1,0	<b>28.000</b>



<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	6	1,0	<b>26.000</b>

<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,7	<b>35.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,2	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>20.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	6	1,0	<b>26.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	1	1,0	<b>22.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>18.000</b>
<b>17</b>	<b>XÃ BÌNH TRỊ ( TRUNG DU)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 14E</b>				
	Kênh N <sub>1</sub> Cơ Bình - tường rào phía Đông trường Cấp 3 Bình Trị	1	2	1,0	<b>150.000</b>
	Tường rào phía Đông Trường Cấp 3 Bình Trị - Đường TNH vào chợ Vinh Huy	1	1	1,2	<b>300.000</b>
	Đường TNN vào chợ Vinh Huy - Tường rào phía Đông UBND xã Bình Lãnh	1	3	1,2	<b>120.000</b>
<b>B</b>	<b>Tuyến Huyện lộ</b>				
	<b>Tuyến Bình Trị - Tiên Sơn (ĐH15)</b>				
	Từ giáp Quốc lộ 14E - hết đường thâm nhập nhựa	1	2	1,0	<b>150.000</b>
	Hết đường thâm nhập nhựa - đến giáp đường quanh chợ Vinh Huy	1	3	0,7	<b>70.000</b>
	Các đoạn còn lại của tuyến Bình Trị - Tiên Sơn	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	<b>Tuyến Hà Châu – Bình Lãnh (ĐH7)</b>				
	Giáp ranh giới xã Bình Định Nam - Giáp ranh giới xã Bình Lãnh	1	4	1,0	<b>50.000</b>
<b>D</b>	Khu vực quanh chợ Vinh Huy	1	3	0,8	<b>80.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn	2	1	0,9	<b>45.000</b>

	Đường liên Tổ , liên xóm	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	2	1,0	<b>34.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,2	<b>36.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>32.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	5	1,0	<b>28.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	6	1,0	<b>26.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,7	<b>35.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,2	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>20.000</b>
<b>K</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	6	1,0	<b>26.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	1	1,0	<b>22.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>18.000</b>
<b>18</b>	<b>XÃ BÌNH QUẾ (TRUNG DU)</b>				
	Tuyến Huyện lộ				
<b>A</b>	<b>Tuyến Bình An – Bình Phú (ĐH4)</b>				
	Giáp Bình An - ngã 3 phía Đông chợ Đo Đo (cũ)	1	3	0,7	<b>70.000</b>
	Ngã ba phía Đông chợ Đo Đo (cũ) - hết nhà ông Lai	1	3	1,2	<b>120.000</b>
	Các đoạn còn lại của tuyến Bình An – Bình Phú	1	4	1,0	<b>50.000</b>
<b>B</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				

	Ngã ba gần chợ Đo Đo – Giáp Bình An	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	Từ Nhà ông Long – Giáp Bình An	2	1	0,8	<b>40.000</b>
<b>C</b>	Khu vực quanh chợ Đo Đo	1	4	1,0	<b>50.000</b>

<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn	2	1	0,9	<b>45.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	2	1,0	<b>34.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,2	<b>36.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>32.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	5	1,0	<b>28.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	6	1,0	<b>26.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,7	<b>35.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,2	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>20.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	6	1,0	<b>26.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	1	1,0	<b>22.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>18.000</b>
<b>19</b>	<b>XÃ BÌNH CHÁNH (TRUNG DU)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Kế Xuyên – Hà Châu (ĐH6)</b>				
	Đập Kế Xuyên - ngã ba ra Bình quý (dưới UBND xã B/Chánh)	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Từ ngã ba ra Bình quý (dưới UBND xã B/Chánh)	1	3	1,2	<b>120.000</b>

	– phía Đông Nghĩa trang Liệt sỹ				
	phía Đông Nghĩa trang Liệt sỹ - Giáp Kênh chính Phú Ninh (giáp Bình Phú)	1	3	0,9	<b>90.000</b>
	<b>Tuyến Ngọc Phô – Bình Chánh (ĐH10)</b>				
	Từ cầu Khe Ngọc (Bình Tú) – giáp tuyến Kế Xuyên – Hà Châu	1	4	1,0	<b>50.000</b>
<b>B</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Từ trường Mẫu giáo – giáp cầu Máng	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	Từ ngã ba dưới UBND xã – kênh N14b	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	Từ Cầu Bình Quý – Nhà ông Sơn	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	Từ đường sắt giáp Bình Trung (kênh N14) – Bình Phú	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	Từ bậc nước nhà ông Hợi theo kênh N16 – nhà ông Sơn	2	1	0,8	<b>40.000</b>
<b>C</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,0	<b>50.000</b>
	Các đường liên thôn	2	1	0,9	<b>45.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	1	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	2	1,0	<b>34.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,2	<b>36.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>32.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	5	1,0	<b>28.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	2	6	1,0	<b>26.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	0,7	<b>35.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>30.000</b>

	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,2	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>20.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	6	1,0	<b>26.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	1	1,0	<b>22.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>18.000</b>
<b>20</b>	<b>XÃ BÌNH LÃNH (MN)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Quốc lộ 14E</b>				
	Ranh giới Bình Trị – Ngã 3 ra thôn 4 xã Bình Lãnh	1	2	1,0	<b>100.000</b>
	Ngã 3 ra thôn 4 B/Lãnh – tường rào phía tây Trường Hoàng Hoa Thám	1	1	1,0	<b>200.000</b>
	Tường rào phía tây Trường Hoàng Hoa Thám – ngã ba Gò Đình (thôn 1)	1	2	1,0	<b>100.000</b>
	Ngã ba Gò Đình (thôn 1) - Ranh giới xã Bình Lâm (Hiệp Đức)	1	2	0,8	<b>80.000</b>
	<b>Tuyến Hà Châu – Bình Lãnh (ĐH7)</b>				
	Giáp ranh giới Bình Trị - giáp đường vào đập Cao Ngạn	1	3	0,8	<b>40.000</b>
<b>B</b>	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Từ Quốc Lộ 14E – Ông Nghĩa (Ngã tư Tổ 9 )	1	3	0,8	<b>40.000</b>
<b>C</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	3	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	1	1,0	<b>26.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Các đường liên thôn	2	3	1,0	<b>30.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>28.000</b>

	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>24.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>28.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,0	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>20.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>28.000</b>
	Các đường liên thôn	3	2	1,0	<b>24.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	3	1,0	<b>20.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	4	1,0	<b>18.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	3	2	1,0	<b>24.000</b>
	Các đường liên thôn	3	3	1,0	<b>20.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	4	1,0	<b>18.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	5	1,0	<b>14.000</b>
<b>21</b>	<b>XÃ BÌNH PHÚ (MN)</b>				
<b>A</b>	<b>Tuyến Kế Xuyên – Hà Châu (ĐH6)</b>				
	Giáp Bình Chánh - Phía Đông trường Lê Lợi	1	2	0,7	<b>70.000</b>
	Phía Đông trường Lê Lợi – Phía Tây trạm Y tế	1	2	0,9	<b>90.000</b>
	Phía Tây trạm Y tế - cổng dưới cầu Hà Châu	1	1	0,8	<b>160.000</b>
	Giáp cổng dưới cầu Hà Châu - Phía Nam cầu Hà Châu	1	1	1,2	<b>240.000</b>
	<b>Tuyến Bình Quý – Tiên Sơn (ĐH8)</b>				
	Giáp tuyến Kế Xuyên – Hà Châu - phía Nam chợ Hà Châu (nhà ông Nguyễn Kỳ)	1	1	0,9	<b>180.000</b>
	Phía Nam chợ Hà Châu - phía Nam NTLs	1	2	0,7	<b>70.000</b>
	Phía Nam NTLs – Ngã ba đi Bình Quế	1	3	1,0	<b>50.000</b>
	Các đoạn còn lại của tuyến Bình Quý – Tiên Sơn	1	3	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Tuyến Bình An – Bình Phú (ĐH4)</b>				



	Giáp ranh giới Bình Quế - giáp tuyến Bình Quý.Tiên Sơn	1	3	0,8	<b>40.000</b>
	<b>Các tuyến còn lại</b>				
	Từ nhà ông Khương – Nhà ông Chức Tổ 13 Lý Trường	1	3	1,0	<b>50.000</b>
<b>B</b>	<b>Khu vực quanh chợ Hà Châu</b>	1	1	0,8	<b>160.000</b>
<b>C</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	1	3	0,8	<b>40.000</b>
	Các đường liên thôn	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,0	<b>30.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	1	1,0	<b>26.000</b>
<b>D</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	2	1,0	<b>34.000</b>
	Các đường liên thôn	2	3	1,0	<b>30.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	4	1,0	<b>28.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	2	1,0	<b>24.000</b>
<b>E</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,0	<b>30.000</b>
	Các đường liên thôn	2	4	1,0	<b>28.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	1,0	<b>24.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	3	1,0	<b>20.000</b>
<b>G</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,0	<b>28.000</b>
	Các đường liên thôn	3	2	1,0	<b>24.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	3	1,0	<b>20.000</b>
	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	4	1,0	<b>18.000</b>
<b>H</b>	<b>Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất NN</b>				
	Các đường liên xã còn lại	3	2	1,0	<b>24.000</b>
	Các đường liên thôn	3	3	1,0	<b>20.000</b>
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	4	1,0	<b>18.000</b>

	<b>Các khu vực còn lại</b>	3	5	1,0	<b>14.000</b>
--	----------------------------	---	---	-----	---------------

## 2- Giá đất ở tại đô thị:

### 2.1- Bảng giá chuẩn:

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

Loại đường	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
<b>Đường loại 1</b>	2.000.000	1.000.000	500.000	250.000
<b>Đường loại 2</b>	1.400.000	700.000	350.000	180.000
<b>Đường loại 3</b>	900.000	450.000	280.000	140.000
<b>Đường loại 4</b>	500.000	250.000	130.000	70.000
<b>Đường loại 5</b>	300.000	150.000	80.000	40.000

### 2.2- Bảng giá đất ở đô thị chi tiết:

(ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>)

T T	Ranh giới, vị trí	Loại đường	Vị trí	Hệ số	Mức giá (đồng/m <sup>2</sup> )
	<b>Đường ĐT613</b>				
	Từ ngã tư Hà Lam - Giáp mương tiêu Nhóm nhà số 1	1	1	0,8	<b>1.600.000</b>
	Từ mương tiêu Nhóm nhà số 1 – Ranh giới Bình Phục	2	2	1,0	<b>700.000</b>
	<b>Quốc lộ 1A</b>				
	Từ kênh N <sub>22</sub> – phía bắc Công ty May Quảng Nam	1	1	0,7	<b>1.400.000</b>
	Từ phía bắc công ty May Quảng Nam -Đường bê tông gần nhà ông Ngân	1	1	0,8	<b>1.600.000</b>
	Đường bê tông gần nhà ông Ngân - Kênh N <sub>20</sub>	1	1	0,7	<b>1.400.000</b>
	Kênh N <sub>20</sub> - Giáp nhà ông Gương (ngoài cây cóc)	1	3	1,0	<b>500.000</b>
	Nhà ông Gương - Kênh N <sub>20-2</sub>	1	3	1,2	<b>600.000</b>
	<b>Đường 613 nối dài</b>				
	Từ ngã tư Hà Lam – Hết nhà ông Mân	1	1	1,0	<b>2.000.000</b>
	Hết nhà ông Mân - Ngã ba huyện Ủy	1	1	0,9	<b>1.800.000</b>
	Ngã ba huyện Ủy - Đường vào phòng Giáo dục	1	1	0,8	<b>1.600.000</b>
	Đường vào phòng Giáo dục - Giáp đường 3/2	1	2	0,9	<b>900.000</b>
	Giáp đường 3/2 - Cổng Tư thiết	1	2	0,8	<b>800.000</b>

	Công Tư Thiết - Quốc Lộ 14E	2	2	0,7	<b>490.000</b>
--	-----------------------------	---	---	-----	----------------

	<b>Đường vào chợ Hà Lam</b>				
	Từ đường 613 - đường quanh chợ ( cổng chính)	2	1	1,0	<b>1.400.000</b>
	Đường vào chợ mới ( cổng phụ gần nhà ông Mân)	2	1	1,0	<b>1.400.000</b>
	<b>Đường quanh chợ Hà Lam (cũ)</b>	1	2	0,8	<b>800.000</b>
	<b>Khu vực quanh chợ Hà Lam (mới)</b>	1	2	0,9	<b>900.000</b>
	<b>Đường 16c</b>				
	Đường 613 nối dài - Chùa Giác Nguyên	3	1	0,7	<b>630.000</b>
	Chùa Giác Nguyên – Kênh N <sub>20</sub>	3	2	0,9	<b>405.000</b>
	Kênh N <sub>20</sub> - Quốc Lộ 14E	3	3	0,8	<b>224.000</b>
	<b>Đường Quốc lộ 14e</b>				
	Quốc lộ 1A (Cây Cốc) – đường ra Nhà Văn hoá	1	3	1,0	<b>500.000</b>
	Đường ra Nhà văn hoá - hết nhà BSỹ Xô	1	3	0,7	<b>350.000</b>
	Hết nhà BS Xô - giáp đường 613 nối dài	1	4	1,1	<b>275.000</b>
	<b>Đường Bắc Hà Lam</b>				
	Quốc lộ 1A - Giáp đường vào Nhà máy đèn (gần nhà ông Thuyết)	3	1	0,7	<b>630.000</b>
	Giáp đường vào Nhà máy đèn (gần nhà ông Thuyết)- Hết bà Ngân Ngân	3	2	0,9	<b>405.000</b>
	Giáp nhà bà Ngân - Sân vận động (gần Đài nước)	3	3	1,0	<b>280.000</b>
	<b>Đường 3 tháng 2</b>				
	Từ đường 613 - giáp đường 16C	3	2	0,9	<b>405.000</b>
	Đường 16C - Giáp đường Bê tông gần nhà ông Tòng	4	2	1,2	<b>300.000</b>
	Các đoạn còn lại	5	2	0,8	<b>120.000</b>
	Đường Thanh Niên Quốc lộ 1A (cầu bà Sim) - đường 16C	4	1	1,0	<b>500.000</b>
	<b>Các đường kiệt</b>				
	Đường vào Ba Ra Hà Kiều : Từ 613 nối dài - Ba Ra Hà Kiều				<b>500.000</b>

Kiệt từ đường 613 nối dài (gần nhà ông Chín Radiô, trước nhà văn hoá - giáp đường Bắc Hà Lam				<b>300.000</b>
Kiệt Quốc lộ 1A (gần nhà ông Ngẩn) - Giáp đường Thanh niên (gần nhà ông Thông)				<b>200.000</b>
Kiệt từ nhà ông Vĩnh – giáp đường Bắc Hà Lam				<b>450.000</b>
Kiệt đường quanh chợ mới Hà Lam (gần nhà ông Thủy) - Giáp đường bắc Hà Lam				<b>450.000</b>
Kiệt 613 (gần nhà ông Dương) - Giáp đường Bắc Hà Lam				<b>200.000</b>
Kiệt ngã tư Tân Văn - Khu vui chơi Hà Kiều - giáp đường 613 nối dài				<b>450.000</b>
Kiệt Nhà máy đèn : Giáp 613 nối dài (quán sửa xe ông Thân) - Kênh N <sub>22</sub>				<b>200.000</b>
Kiệt Nhà máy đèn (quán sửa xe ông Thân) – Giáp đường quanh chợ mới Hà Lam				<b>200.000</b>
Kiệt giáp đường 613 (ngã ba gần Tài chính cũ) - Hết nhà bà Vinh				<b>450.000</b>
Cổng gần nhà ông Tứ - giáp kênh N <sub>22</sub> (nhà thầy Thám)				<b>200.000</b>
Kiệt Nhà ông Năm – Kênh N <sub>22</sub>				<b>150.000</b>
Kiệt ngã ba Chi Cục thuế - hết nhà ông Anh				<b>250.000</b>
Kiệt vào HTX1 TTHà Lam (gần nhà ông Lợi)				<b>200.000</b>
Kiệt từ 613 nối dài – phòng Giáo dục				<b>200.000</b>
Kiệt Ngã ba Tòa án cũ - giáp Kênh N <sub>22</sub>				<b>300.000</b>
Giáp Kênh N <sub>22</sub> - Giáp Bình Quý				<b>150.000</b>
Trước tập thể Ngân hàng cũ - giáp phía tây chợ Hà Lam cũ				<b>200.000</b>
Kiệt phía đông chợ cũ Hà Lam - giáp đường Tân Văn Khu Hà kiều.				<b>250.000</b>
Kiệt trước UBND Thị Trấn Hà Lam - giáp đường 613 (cây Me vào)				<b>200.000</b>
Kiệt từ đường 16C- Trung Tâm Chính trị				<b>200.000</b>
Kiệt Từ nhà ông Ngạt - giáp 16C				<b>200.000</b>

	Cổng làng văn hoá Khu phố 3 - Giáp đường 3/2				<b>150.000</b>
	Kiệt từ 613 (gần nhà Ông Hậu) - Kênh N <sub>22</sub>				<b>150.000</b>
	Kiệt từ 613 (gần hiệu gày Trung) - Giáp đường bắc Hà Lam				<b>150.000</b>
	Kiệt từ 613 (gần xe máy Nhật Tân) - Giáp đường Thanh Niên				<b>150.000</b>
	Nhà ông Tòng - giáp đường 3/2				<b>120.000</b>
	Kiệt từ quán Café Cung Đàn – Nhà ông Hựu				<b>200.000</b>
	Kiệt 613(gần nhà ông Đô) - Quốc lộ 1A				<b>120.000</b>
	Kiệt 613 (gần nhà ông Diêu) - hết nhà ông Hùng				<b>150.000</b>
	Từ nhà ông Hùng – Giáp Ba Ra Hà Kiều				<b>100.000</b>
	Kiệt 613 (gần nhà ông Đường) – Giáp quán Café Cung Đàn				<b>200.000</b>
	Kiệt 613 (gần nhà ông Tân) – Nhà bà Phượng				<b>150.000</b>
	Nhà bà Phượng – Ba Ra Hà Kiều				<b>100.000</b>
	Kiệt 613 (gần nhà ông Công) – Nhà bà Thế				<b>100.000</b>
	Kiệt 613 (gần nhà bà Hồi) – Nhà ông Mẫn				<b>100.000</b>
	Kiệt 613 (gần nhà ông Được) – Nhà ông Tùng				<b>100.000</b>
	Kiệt 16c (gần nhà bà Lờ) - Hết nhà ông Cấn (yté)				<b>120.000</b>
	Kiệt 3/2 (gần nhà Bà Huỳnh) - đến nhà bà Lục				<b>100.000</b>
	Các đường còn lại của Thị Trấn Hà Lam (phía Bắc kênh N <sub>20</sub> )				<b>90.000</b>
	Các đường còn lại của Thị Trấn Hà Lam (phía Nam kênh N <sub>20</sub> )				<b>80.000</b>
	Các khu dân cư còn lại				<b>70.000</b>